

ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH
KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ



ÔN TẬP
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC



Biên soạn: Trịnh Bá Phương

Lưu hành nội bộ_2020

TỔNG QUAN VỀ MÔN HỌC

1. Tên học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học
2. Thời lượng: 2 tín chỉ
3. Trình độ: Dùng cho sinh viên bậc đại học khối không chuyên ngành Lý luận chính trị
4. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải học xong học phần môn Triết học Mác - Lênin và Kinh tế chính trị học Mác - Lênin
5. Mục tiêu môn học

Về kiến thức: Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Về kỹ năng: Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội (CNXH) và con đường đi lên CNXH ở nước ta.

Về thái độ: Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học CNXHKH nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng nói chung.

6. Mô tả vắn tắt nội dung: Nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKH (quá trình hình thành, phát triển của CNXHKH); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKH theo mục tiêu môn học.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Phải nghiên cứu giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng.
- Tham dự các buổi thảo luận, các buổi lên lớp theo quy định.

8. Tài liệu học tập

Giáo trình CNXHKH do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản.

VẤN ĐỀ 1

SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là nội dung chủ yếu, điểm căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, nhờ phát hiện ra sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân mà chủ nghĩa xã hội của C.Mác - Ph.Ăngghen trở thành chủ nghĩa xã hội khoa học.

A. NỘI DUNG

1. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân

1.1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân

C.Mác - Ph.Ăngghen dùng nhiều thuật ngữ khác nhau để chỉ giai cấp công nhân: giai cấp công nhân, giai cấp vô sản hiện đại, giai cấp công nhân đại công nghiệp. Trong đó, C.Mác - Ph.Ăngghen xét giai cấp công nhân trên hai phương diện cơ bản: kinh tế - xã hội và chính trị - xã hội.

a. Giai cấp công nhân trên phương diện kinh tế - xã hội

Thứ nhất, xét về phương thức lao động công nghiệp trong quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa: đó là những người lao động trực tiếp hay gián tiếp vận hành các công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại và xã hội hóa cao.

Thứ hai, xét về quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, đó là những người lao động không sở hữu tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội, phải bán sức lao động cho nhà tư bản và bị chủ tư bản bóc lột giá trị thặng dư.

b. Giai cấp công nhân trên phương diện chính trị - xã hội

Giai cấp công nhân là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp, là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất hiện đại. Do đó, giai cấp công nhân đại biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến, cho phương thức sản xuất tiên tiến, quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội hiện đại.

Nền sản xuất đại công nghiệp và phương thức sản xuất tiên tiến đã rèn luyện cho giai cấp công nhân những phẩm chất đặc biệt về tính tổ chức, kỷ luật lao động, tinh thần hợp tác và tâm lý công nghiệp.

Giai cấp công nhân đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến, mang tính xã hội hóa khác nên mâu thuẫn với quan hệ sản xuất dựa trên sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Do đó, giai cấp công nhân cách mạng và tinh thần cách mạng triệt để.

Từ phân tích trên hai phương diện kinh tế - xã hội và chính trị - xã hội. Khái niệm giai cấp công nhân được diễn đạt như sau:

Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển nền công nghiệp hiện đại; Là giai cấp đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến; Là lực lượng chủ yếu của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Ở các nước tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân là những người không có hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất phải làm thuê cho giai cấp tư sản và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư; Ở các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân cùng nhân dân lao động làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu và cùng nhau hợp tác lao động vì lợi ích của toàn xã hội trong đó có lợi ích chính đáng của mình.

1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Sứ mệnh lịch sử của một giai cấp là nhiệm vụ phải thực hiện của giai cấp tiên phong, lực lượng đi đầu trong một phương thức sản xuất. Theo nghĩa đó, ở mỗi giai đoạn phát triển của lịch sử loài người đều có vai trò của một giai cấp nhất định.

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là nhiệm vụ của giai cấp công nhân phải thực hiện trong cuộc cách mạng xác lập kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. *Khái quát sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và giải phóng toàn thể nhân loại khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, nghèo nàn lạc hậu, xây dựng xã hội mới – xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Nội dung cụ thể:*

a. Nội dung kinh tế

Giai cấp công nhân tạo tiền đề vật chất - kỹ thuật cho sự ra đời xã hội mới, thông qua quá trình công nghiệp hóa và thực hiện “một kiểu tổ chức xã hội mới

về lao động” để tăng năng suất lao động xã hội và thực hiện các nguyên tắc sở hữu, quản lý và phân phối phù hợp với nhu cầu phát triển sản xuất, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Giai phóng lực lượng sản xuất (vốn bị kìm hãm, lạc hậu, chậm phát triển trong quá khứ), thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển để tạo cơ sở cho quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa ra đời.

b. Nội dung chính trị - xã hội

Giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản tiến hành cách mạng chính trị để lật đổ quyền thống trị của giai cấp tư sản, xóa bỏ chế độ bóc lột, áp bức của chủ nghĩa tư bản, giành quyền lực về tay giai cấp công nhân.

Giai cấp công nhân và nhân dân lao động thiết lập nhà nước kiểu mới, sử dụng nhà nước như một công cụ có hiệu lực để cải tạo xã hội cũ và tổ chức xây dựng xã hội mới phục vụ cho quyền và lợi ích của nhân dân lao động, thực hiện dân chủ, công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội, theo lý tưởng và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

c. Nội dung văn hóa, tư tưởng

Trong lĩnh vực văn hóa, tư tưởng cần phải tập trung xây dựng hệ giá trị mới: lao động, công bằng, dân chủ, bình đẳng và tự do.

Cải tạo cái cũ lỗi thời, lạc hậu, xây dựng cái mới, tiến bộ trong lĩnh vực ý thức tư tưởng, trong tâm lý, lối sống và trong đời sống tinh thần xã hội.

Xây dựng và củng cố ý thức hệ tiên tiến của giai cấp công nhân đó là chủ nghĩa Mác - Lênin, đấu tranh để khắc phục ý thức hệ tư sản và các tàn dư còn sót lại của các hệ tư tưởng cũ.

1.3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

1.3.1. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân (Vì sao giai cấp công nhân có sứ mệnh lịch sử)

Thứ nhất, do địa vị kinh tế của giai cấp công nhân quy định

Giai cấp công nhân là bộ phận quan trọng nhất trong bộ phận cấu thành lực lượng sản xuất của xã hội tư bản, họ đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến,

trình độ xã hội hóa cao. Nhưng lại không được sở hữu tư liệu sản xuất chủ yếu - bộ phận quan trọng nhất của quan hệ sản xuất. Chính vì vậy, nó quy định giai cấp công nhân là lực lượng phá vỡ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, giành chính quyền về tay mình, là lực lượng duy nhất có đủ điều kiện để tổ chức và lãnh đạo xã hội, xây dựng và phát triển lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa tạo nền tảng vững chắc để xây dựng chủ nghĩa xã hội - một chế độ xã hội kiểu mới, không còn chế độ người áp bức, bóc lột người.

Thứ hai, do địa vị chính trị - xã hội của giai cấp công nhân

Giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến nhất: là sản phẩm của nền đại công nghiệp nên giai cấp công nhân có trình độ chuyên môn, học vấn ngày càng cao. Môi trường sống và làm việc đã tạo điều kiện cho giai cấp công nhân nâng cao trí tuệ của mình. Trong cuộc đấu tranh vì dân sinh, dân chủ đã cung cấp tri thức chính trị - xã hội để giai cấp công nhân trở thành giai cấp tiên tiến. Giai cấp công nhân có hệ tư tưởng riêng và khả năng lãnh đạo cách mạng.

Giai cấp công nhân là giai cấp có cách mạng triệt để nhất: là giai cấp bị áp bức, bóc lột nên giai cấp công nhân chỉ có thể giải phóng mình khi đồng thời giải phóng toàn xã hội khỏi chế độ người bóc lột người. Tính cách mạng triệt để thể hiện ở mục tiêu đấu tranh triệt để là xóa bỏ tận gốc chế độ áp bức, bóc lột chứ không phải thay đổi sự bóc lột này thành bóc lột khác. Trong quá trình đấu tranh của mình giai cấp công nhân đã tìm thấy vũ khí lý luận của mình là chủ nghĩa Mác - Lênin - hệ tư tưởng tiên tiến nhất, cách mạng nhất.

Giai cấp công nhân có tính kỷ luật cao và tinh thần đoàn kết cao: Do điều kiện sản xuất tập trung, khoa học kỹ thuật và sự phân công lao động nên giai cấp công nhân có tính kỷ luật cao. Chỉ có tính kỷ luật cao, có tổ chức chặt chẽ, đoàn kết với nhau mới tạo được sức mạnh để lật đổ giai cấp tư sản.

Giai cấp công nhân có bản chất quốc tế: giai cấp công nhân trên thế giới đều có địa vị như nhau, đều bị bóc lột nên muốn giải phóng mình phải đồng thời giải phóng toàn thế giới. Bản thân giai cấp tư sản là một lực lượng quốc tế, muốn thắng nó giai cấp công nhân phải có sự liên minh quốc tế.

1.3.2. Điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử

Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân tuy nhiên nếu muốn hoàn thành sứ mệnh đó bản thân giai cấp công nhân cũng phải có những điều kiện chủ quan:

a, Sự phát triển của bản thân giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng

Giai cấp công nhân ngày càng lớn mạnh cùng với quy mô phát triển của nền sản xuất vật chất hiện đại trên nền tảng công nghiệp, của kỹ thuật và công nghệ.

Chất lượng công nhân thể hiện ở năng lực và trình độ làm chủ khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại. Chất lượng công nhân phải thể hiện ở trình độ trưởng thành về ý thức chính trị của một giai cấp cách mạng, tự giác nhận thức được vai trò và trọng trách của giai cấp mình đối với lịch sử.

b, Đảng Cộng sản là nhân tố chủ quan quan trọng nhất để giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình

Đảng Cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân ra đời và đảm nhận vai trò lãnh đạo cuộc cách mạng và dấu hiệu về sự trưởng thành vượt bậc của giai cấp công nhân với tư cách là giai cấp cách mạng.

Đảng Cộng sản ra đời là sự kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội khoa học, tức chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân. (Ở Việt Nam???)

Mối quan hệ giữa giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản: Giai cấp công nhân là cơ sở xã hội và nguồn bổ sung lực lượng quan trọng của Đảng, làm cho Đảng mang bản chất giai cấp công nhân trở thành đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp. Đảng Cộng sản là tập hợp những bộ phận ưu tú nhất, giác ngộ nhất của giai cấp công nhân và nhân dân lao động tự nguyện đứng trên lập trường của giai cấp công nhân. Đảng Cộng sản là đại biểu trung thành với lợi ích của bản chất giai cấp công nhân, của dân tộc và xã hội, đồng thời có mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân và quần chúng lao động trong xã hội điều đó là nguồn gốc sức mạnh của Đảng Cộng sản.

Ngoài hai điều kiện chủ quan để thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình phải có sự liên minh giai cấp giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp lao động khác do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay

2.1.1. Giai cấp công nhân hiện nay

Giai cấp công nhân hiện nay là những tập đoàn người sản xuất và dịch vụ bằng phương thức công nghiệp tạo nên cơ sở vật chất cho sự tồn tại và phát triển của thế giới hiện nay.

Thứ nhất, về điểm tương đồng

- Giai cấp công nhân vẫn là lực lượng sản xuất hàng đầu của xã hội hiện đại, là chủ thể của quá trình sản xuất công nghiệp hiện đại mang tính xã hội hóa ngày càng cao
- Công nhân vẫn bị giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản bóc lột giá trị thặng dư
- Phong trào cộng sản và công nhân ở nhiều nước vẫn luôn là lực lượng đi đầu trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, hợp tác và phát triển, vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội.

⇒ Những điểm tương đồng đã khẳng định: lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn mang giá trị khoa học và cách mạng, vẫn có ý nghĩa thực tiễn to lớn, chỉ đạo cuộc đấu tranh cách mạng hiện nay của giai cấp công nhân, phong trào công nhân và quần chúng lao động, chống chủ nghĩa tư bản và lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa trong sự phát triển của thế giới ngày nay.

Thứ hai, những biến đổi và khác biệt của giai cấp công nhân hiện đại

Về phương thức lao động: giai cấp công nhân hiện nay mang xu thế trí tuệ hóa, chủ yếu là hao phí về trí lực chứ không còn thuần túy về hao phí sức lực, cơ bắp.

Về cơ cấu, ngành nghề: đa dạng, không thuần nhất. Giai cấp công nhân hiện nay bao gồm:

- Người lao động SXVC trong quy trình công nghiệp. Người lao động có trình độ cao lấy SXVC trong công nghiệp làm nghề chính:

- + CN trực tiếp đứng máy
- + CN bảo trì
- + Chuyên gia nghiên cứu, sáng chế

- Người lao động trong các ngành dịch vụ, thương nghiệp (phục vụ trực tiếp cho công nghiệp): GTVT, BCVT,...

- Người lao động SXVC trong các ngành nông – lâm – ngư nghiệp... trực tiếp vận hành SX với kỹ thuật công nghiệp

Về đời sống: Có một phần rất nhỏ tư liệu sản xuất, nhu cầu vật chất, tinh thần ngày càng tăng, phong phú đa dạng hơn và đòi hỏi chất lượng hưởng thụ tinh thần cao hơn.

Về tính chất xã hội hóa: nâng cao và mở rộng thành chuỗi “giá trị toàn cầu”, quá trình sản xuất một sản phẩm liên kết nhiều công đoạn của nhiều vùng, miền, quốc gia, khu vực.

2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay

2.2.1. Về nội dung kinh tế - xã hội

Là lực lượng quan trọng trong sự phát triển sản xuất của chủ nghĩa tư bản trong thế giới ngày nay. Sự tham gia trực tiếp của giai cấp công nhân và các lực lượng lao động - dịch vụ trình độ cao chính là nhân tố kinh tế - xã hội thúc đẩy sự chín muồi các tiền đề của chủ nghĩa xã hội trong lòng chủ nghĩa tư bản.

Thúc đẩy cuộc đấu tranh chống chế độ bóc lột giá trị thặng dư trên phạm vi thế giới, phấn đấu cho việc xác lập một trật tự xã hội mới công bằng và bình đẳng.

2.2.2. Về nội dung chính trị - xã hội

Ở các nước tư bản chủ nghĩa: mục tiêu đấu tranh trực tiếp của giai cấp công nhân và lao động là chống bất công, bất bình đẳng xã hội. Mục tiêu lâu dài là giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động, được nêu rõ trong Cương lĩnh chính trị của Đảng Cộng sản trong các nước tư bản chủ nghĩa.

Ở các nước xã hội chủ nghĩa: Đảng Cộng sản đã trở thành Đảng cầm quyền thì sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới, giải quyết tốt các nhiệm vụ trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Xây dựng Đảng cầm quyền trong sạch, vững mạnh, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

2.2.3. Về nội dung văn hóa, tư tưởng

Đấu tranh ý thức hệ giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, đặc biệt là trong nền kinh tế thị trường phát triển với những tác động mặt trái của nó.

Đưa các giá trị lao động, sáng tạo, công bằng, dân chủ, bình đẳng, tự do phổ biến rộng rãi trong quần chúng nhân dân.

Giáo dục nhận thức và củng cố niềm tin khoa học với lý tưởng, mục tiêu của chủ nghĩa xã hội cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động, giáo dục và thực hiện chủ nghĩa quốc tế chân chính của giai cấp công nhân trên cơ sở phát huy chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc.

3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam

3.1. Khái niệm và đặc điểm giai cấp công nhân Việt Nam

Khái niệm giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp hoặc sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có tính chất công nghiệp.

Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời và phát triển gắn liền với chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam. Giai cấp công nhân Việt Nam mang những đặc điểm chủ yếu sau:

- Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời trước giai cấp tư sản Việt Nam, là giai cấp trực tiếp đối kháng với tư bản thực dân Pháp và bè lũ tay sai của chúng.
- Trực tiếp đối kháng với tư bản thực dân Pháp, trong cuộc đấu tranh chống tư bản thực dân đế quốc và phong kiến để giành độc lập chủ quyền, xóa bỏ ách bóc lột và thống trị thực dân, giai cấp công nhân đã thể hiện mình là lực lượng chính trị tiên phong để lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải quyết mâu thuẫn cơ bản giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc thực

dân và phong kiến thống trị, mở đường cho sự phát triển của dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản.

- Giai cấp công nhân Việt Nam số lượng còn ít, còn mang nhiều tâm lý tàn dư tiểu nông của giai cấp nông dân vì sinh ra và lớn lên ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến và sản xuất công nghiệp chưa thật sự đầy đủ. Mặc dù vậy, giai cấp công nhân Việt Nam được tôi luyện trong đấu tranh cách mạng chống đế quốc, thực dân nên đã trưởng thành nhanh chóng về ý thức chính trị giai cấp, sớm giác ngộ lý tưởng, mục tiêu cách mạng, giác ngộ về sứ mệnh lịch sử của giai cấp mình, nhất là từ khi Đảng ra đời.
- Giai cấp công nhân Việt Nam gắn bó mật thiết với các tầng lớp nhân dân trong xã hội, lợi ích giai cấp công nhân và lợi ích dân tộc gắn chặt với nhau tạo thành động lực thúc đẩy đoàn kết, đại đoàn kết toàn dân tộc.

Những biến đổi trong thời kỳ đổi mới:

- Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay tăng nhanh về số lượng và chất lượng, là giai cấp đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên và môi trường.
- Giai cấp công nhân Việt Nam đa dạng về cơ cấu nghề nghiệp, có mặt trong mọi thành phần kinh tế nhưng đội ngũ công nhân trong khu vực kinh tế nhà nước là tiêu biểu, đóng vai trò nòng cốt, chủ đạo.
- Công nhân tri thức, nắm vững khoa học - công nghệ tiên tiến và công nhân trẻ được đào tạo nghề theo chuẩn nghề nghiệp, học vấn, văn hóa được rèn luyện trong thực tiễn sản xuất và thực tiễn xã hội, là lực lượng chủ đạo trong cơ cấu giai cấp công nhân, trong lao động và phong trào công đoàn.

Với những đặc điểm đó, để thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong bối cảnh hiện nay cần phải xây dựng, phát triển giai cấp công nhân lớn mạnh, hiện đại, đồng thời coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng lãnh đạo, cầm quyền thực sự trong sạch vững mạnh.

3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời kỳ đổi mới: là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; giai

cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng (Văn kiện hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương, khóa X).

Nội dung cụ thể

- Trong kinh tế: Phát huy vai trò và trách nhiệm của lực lượng đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Là nguồn lực lao động chủ yếu tham gia phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại, định hướng xã hội chủ nghĩa, lấy khoa học - công nghệ làm động lực quan trọng, quyết định tăng năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả.
- Trong chính trị - xã hội: Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đặc biệt giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên và tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nhằm bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa để bảo vệ nhân dân.
- Trong văn hóa tư tưởng: Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc có nội dung cốt lõi là xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, giáo dục đạo đức cách mạng, rèn luyện lối sống, tác phong công nghiệp, văn minh, hiện đại, xây dựng hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam, hoàn thiện nhân cách. Bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh thật sự trở thành nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động.

3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay

3.3.1. Phương hướng

Quan tâm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển giai cấp công nhân về số lượng và chất lượng; nâng cao bản lĩnh chính trị, giác ngộ giai cấp, có ý thức công

dân, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tiêu biểu cho tinh hóa văn hóa các dân tộc. Nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp; tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động của công nhân; bảo đảm việc làm, nhà ở, các công trình phúc lợi phục vụ cho công nhân; sửa đổi, bổ sung các chính sách, pháp luật về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,...để bảo vệ quyền lợi, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của công nhân.

3.3.2. Một số giải pháp chủ yếu

Một là, nâng cao nhận thức kiên định quan điểm giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hai là, xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh gắn với xây dựng và phát huy sức mạnh của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức và doanh nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Ba là, thực hiện chiến lược xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế.

Bốn là, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho công nhân, không ngừng trí thức hóa giai cấp công nhân.

Năm là, xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và sự nỗ lực vươn lên của bản thân mỗi người công nhân, sự tham gia đóng góp tích cực của người sử dụng lao động.

VẤN ĐỀ 2

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

A. NỘI DUNG

1. Chủ nghĩa xã hội

Chủ nghĩa xã hội (socialism) được hiểu theo bốn nghĩa: 1/ Là phong trào thực tiễn, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống lại áp bức, bất công chống các giai cấp thống trị; 2/ Là trào lưu tư tưởng, lý luận phản ánh lý tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột, bất công; 3/ Là một khoa học - chủ nghĩa xã hội khoa học, khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; 4/ Là một chế độ xã hội tốt đẹp, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

1.1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ ra tính tất yếu của sự thay thế hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa bằng hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, đó là quá trình lịch sử tự nhiên. Sự thay thế này được thực hiện thông qua cách mạng xã hội chủ nghĩa xuất phát từ hai tiền đề vật chất quan trọng nhất là sự phát triển của lực lượng sản xuất và sự trưởng thành của giai cấp công nhân.

Phân kỳ hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa:

C.Mác - Ph.Ăngghen cho rằng hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa phát triển từ thấp lên cao qua hai giai đoạn: giai đoạn thấp - chủ nghĩa xã hội và giai đoạn cao - chủ nghĩa cộng sản; giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

V.I.Lênin phân chia hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa thành một thời kỳ và hai giai đoạn: thời kỳ quá độ - cơn đau đẻ kéo dài, chủ nghĩa xã hội - giai đoạn đầu, chủ nghĩa cộng sản - giai đoạn cao.

1.2 Điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội

Sự ra đời của chủ nghĩa tư bản là một giai đoạn mới trong lịch sử phát triển của nhân loại, chủ nghĩa tư bản mở đường cho lực lượng sản xuất mới phát triển, tạo ra sự phát triển vượt bậc của lực lượng sản xuất. Lực lượng sản xuất phát triển mang tính xã hội hóa ngày càng cao, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đóng vai trò mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển dần trở nên lỗi thời, xiềng xích của lực lượng sản xuất. Mâu thuẫn giữa tính xã hội hóa của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất trở thành mâu thuẫn kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản, biểu hiện về mặt xã hội là mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân hiện đại và giai cấp tư sản lỗi thời. Cuộc đấu tranh của hai giai cấp này xuất hiện và ngày càng gay gắt và có tính chính trị rõ rệt.

Sự phát triển mạnh mẽ của nền đại công nghiệp cơ khí cũng làm cho giai cấp công nhân trưởng thành vượt bậc cả về số lượng và chất lượng, sự trưởng thành đó đánh dấu bằng sự ra đời của Đảng Cộng sản, đội tiên phong của giai cấp công nhân, trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp công nhân chống lại giai cấp tư sản.

Như vậy, sự ra đời của chủ nghĩa xã hội là sự phát triển của lực lượng sản xuất và sự trưởng thành thực sự của giai cấp công nhân là tiền đề, điều kiện cho sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa thông qua cách mạng vô sản dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

1.3. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội

Căn cứ vào những dự báo của C.Mác - Ph.Ăngghen và những quan điểm của V.I.Lênin về chủ nghĩa xã hội ở nước Nga Xô - Viết, có thể khái quát những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội sau:

Một là, chủ nghĩa xã hội giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện.

Hai là, chủ nghĩa xã hội là xã hội do nhân dân lao động làm chủ.

Ba là, chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu.

Bốn là, chủ nghĩa xã hội có nhà nước kiểu mới mang bản chất giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động.

Năm là, chủ nghĩa xã hội có nền văn hóa phát triển cao, kế thừa và phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại.

Sáu là, chủ nghĩa xã hội bảo đảm bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc và có quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

2.1.1 Tính tất yếu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội có thể được hiểu theo hai nghĩa: thứ nhất, đối với các nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển, cần phải có thời kỳ quá độ khá lâu dài từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội - những cơn đau đẻ kéo dài; thứ hai, đối với những nước đã trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển, giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản có một thời kỳ quá độ nhất định, thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội này sang xã hội kia.

Có hai loại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản:

- Quá độ trực tiếp: từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản đối với các nước trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển, cho đến nay chưa diễn ra.
- Quá độ gián tiếp lên chủ nghĩa cộng sản đối với những nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển. Liên Xô và Đông Âu trước đây, Trung Quốc, Việt Nam và một số nước xã hội chủ nghĩa khác ngày nay đều đang trải qua thời kỳ quá độ gián tiếp với những trình độ phát triển khác nhau.

Tính tất yếu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:

- So với các hình thái kinh tế - xã hội khác, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa có sự khác biệt về chất, trong đó không có giai cấp đối kháng, con người từng bước trở thành người tự do cho nên tất yếu phải trải qua thời kỳ quá độ chính trị.

- Quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu lịch sử đối với tất cả các nước đi lên chủ nghĩa xã hội vì chủ nghĩa xã hội không thể tự phát ra đời trong lòng chủ nghĩa tư bản mà chủ nghĩa tư bản chỉ tạo tiền đề vật chất cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội cũng không nảy sinh ngay lập tức sau khi giai cấp

công nhân giành chính quyền mà là kết quả của quá trình đấu tranh, cải tạo và xây dựng lâu dài của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

- Chủ nghĩa xã hội phát triển từ chủ nghĩa tư bản hoặc tiền tư bản. Do đó, nhiều tàn dư của xã hội cũ còn tồn tại lâu dài trong xã hội mới. Hơn nữa công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là một công việc mới mẻ khó khăn, phức tạp, chưa từng có trong lịch sử. Cho nên cần phải có thời gian để tiến hành cải tạo những tàn dư của xã hội cũ và tạo ra những tiền đề vật chất, tinh thần cần thiết cho chủ nghĩa xã hội.

Những trở ngại trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Tàn dư, tư tưởng lệch lạc của xã hội cũ vẫn còn tồn tại
- Thế lực thù địch vẫn không ngừng chống đối
- Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội còn mới mẻ, chưa từng có trong lịch sử
- Trình độ giai cấp công nhân còn hạn chế

2.2. Đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Thời kỳ quá độ có sự đan xen của nhiều tàn dư về mọi phương diện kinh tế, đạo đức, tinh thần của chủ nghĩa tư bản với những yếu tố mới mang tính chất xã hội chủ nghĩa của chủ nghĩa xã hội. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ cải tạo cách mạng sâu sắc, triệt để, lâu dài toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, xây dựng từng bước cơ sở vật chất - kỹ thuật và đời sống tinh thần của chủ nghĩa xã hội:

Trên lĩnh vực kinh tế: tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó có thành phần đối lập.

Trên lĩnh vực chính trị: giai cấp công nhân nắm và sử dụng quyền lực nhà nước trấn áp giai cấp tư sản, tiến hành xây dựng một xã hội không giai cấp. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở một số nước xã hội chủ nghĩa diễn ra trong điều kiện mới, nội dung mới, hình thức mới: giai cấp công nhân trở thành giai cấp cầm quyền, xây dựng toàn diện xã hội mới, hòa bình tổ chức xây dựng.

Trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa: từng bước xây dựng văn hóa vô sản, nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, tiếp thu giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa

nhân loại, bảo đảm đáp ứng nhu cầu văn hóa - tinh thần ngày càng tăng của nhân dân.

Trên lĩnh vực xã hội: còn tồn tại nhiều giai cấp, tầng lớp và sự khác biệt giữa các giai cấp tầng lớp xã hội, các giai cấp, tầng lớp vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau.

3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa

Vì sao Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa

- Có cơ sở lí luận và thực tiễn : Quan điểm của CNMLN - 2 kiểu quá độ (trực tiếp - gián tiếp) thực tế có những nước bỏ qua 1 hoặc 2 HTKTXH
- Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội phù hợp với khát vọng, ước muốn của con người Việt Nam yêu chuộng hòa bình, nhân ái, đoàn kết
- Đi theo con đường chủ nghĩa xã hội đã giúp Việt Nam giành được độc lập cho dân tộc, chỉ có kiên định chủ nghĩa xã hội mới giữ vững được độc lập dân tộc, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện:

- Xuất phát từ một xã hội vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, lực lượng sản xuất rất thấp.
- Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang diễn ra mạnh mẽ, cuốn hút tất cả các nước ở mức độ khác nhau.
- Thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, cho dù chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ.

Đặc điểm quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam:

Thứ nhất, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là con đường cách mạng tất yếu khách quan, con đường xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Thứ hai, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa.

Thứ ba, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa đòi hỏi phải tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chủ nghĩa tư bản chủ nghĩa, đặc biệt là những thành tựu về khoa học và công nghệ, thành tựu về quản lý để phát triển xã hội, đặc biệt là xây dựng nền kinh tế hiện đại, phát triển nhanh lực lượng sản xuất.

3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

3.2.1. Những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội Việt Nam

Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991) xác định mô hình chủ nghĩa xã hội ở nước ta có sáu đặc trưng. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam có tám đặc trưng:

Một là: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Hai là: Do nhân dân làm chủ.

Ba là: Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp.

Bốn là: Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Năm là: Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

Sáu là: Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.

Bảy là: Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Tám là: Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

3.2.2. Phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

Một là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Hai là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Năm là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Sáu là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

Bảy là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Chín mối quan hệ lớn cần nhận thức và giải quyết:

Mối quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển.

Mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị.

Mối quan hệ giữa tuân theo quy luật thị trường và đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Mối quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường.

Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Mối quan hệ giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế.

Mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

VẤN ĐỀ 3

**DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

A. NỘI DUNG

1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa

1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ

1.1.1. Quan niệm về dân chủ

Dân chủ có thể tiếp cận trên nhiều phương diện:

Thứ nhất, trên phương diện quyền lực, thì dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân, nhân dân là chủ nhân của nhà nước.

Thứ hai, trên phương diện chế độ xã hội và trong lĩnh vực chính trị, dân chủ là một hình thức hay hình thái nhà nước, là chính thể dân chủ hay chế độ dân chủ. Trong đó, thừa nhận về mặt pháp luật những quyền tự do, quyền dân chủ, quyền bình đẳng của nhân dân. Dân chủ được cụ thể hóa thành cơ chế thực thi trong cuộc sống, được quy định thành nghĩa vụ của công dân với nhà nước và trách nhiệm của nhà nước với công dân.

Thứ ba, trên phương diện tổ chức và quản lý xã hội, dân chủ là một nguyên tắc trong đó số ít phục tùng số đông, thiểu số phục tùng đa số

Tính chất

Dân chủ là một phạm trù chính trị vì nó ra đời, phát triển gắn liền với sự xuất hiện giai cấp, nhà nước; gắn liền với giai cấp thống trị xã hội bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị. Với tư cách là một phạm trù chính trị, dân chủ sẽ mất đi khi xã hội không còn giai cấp.

Dân chủ là một phạm trù lịch sử bởi vì nó là một giá trị xã hội phản ánh những quyền cơ bản của con người, là kết quả đấu tranh của nhân dân lao động chống áp bức, bóc lột. Quyền lực thuộc về nhân dân là giá trị cao nhất của dân chủ và theo nghĩa này thì dân chủ có giá trị nhân văn rất lớn và nó sẽ tồn tại lâu dài trong xã hội, kể cả khi giai cấp và nhà nước mất đi.

1.1.2. Sự ra đời, phát triển của dân chủ

Nhu cầu về dân chủ xuất hiện rất sớm trong xã hội tự quản của cộng đồng thị tộc, bộ lạc, xuất hiện hình thức manh nha của dân chủ “dân chủ nguyên thủy”. Cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất dẫn tới sự ra đời của chế độ tư hữu và sau đó là giai cấp đã làm cho hình thức “dân chủ nguyên thủy” tan rã, nền dân chủ chủ nô ra đời. Với tư cách là một hình thái nhà nước, một chế độ chính trị thì trong lịch sử nhân loại, cho đến nay có ba nền (chế độ) dân chủ: Nền dân chủ chủ

nô gắn liền với chế độ chiếm hữu nô lệ; nền dân chủ tư sản gắn liền với chế độ tư bản chủ nghĩa; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa gắn với chế độ xã hội chủ nghĩa.

Muốn biết một nhà nước tư sản có thực sự hay không phải xem trong nhà nước ấy dân là ai và bản chất của chế độ xã hội ấy như thế nào?

1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa

1.2.1. Quá trình ra đời của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

Đấu tranh cho dân chủ là một quá trình lâu dài, phức tạp. Giá trị của nền dân chủ tư sản chưa phải là hoàn thiện nhất, do đó, tất yếu xuất hiện một nền dân chủ mới cao hơn nền dân chủ tư sản và đó là nền dân chủ vô sản hay còn gọi là nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Quá trình phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa từ thấp tới cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện, có sự kế thừa một cách chọn lọc giá trị của các nền dân chủ trước đó, trước hết là nền dân chủ tư sản.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ cao hơn về chất so với nền dân chủ tư sản, là nền dân chủ mà ở đó, mọi quyền lực thuộc về nhân dân, dân là chủ và dân làm chủ; dân chủ và pháp luật nằm trong sự thống nhất biện chứng; được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Tuy nhiên, để chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa thực sự quyền lực thuộc về nhân dân, ngoài yếu tố giai cấp công nhân lãnh đạo thông qua Đảng Cộng sản đòi hỏi cần nhiều yếu tố như trình độ dân trí, xã hội công dân, việc tận dụng cơ chế pháp luật đảm bảo quyền tự do cá nhân, quyền làm chủ nhà nước và quyền tham gia vào các quyết sách của nhà nước.

1.2.2. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

Như mọi loại hình dân chủ khác, dân chủ vô sản không phải là nền dân chủ cho tất cả mọi người; nó chỉ là dân chủ đối với quần chúng lao động và bị bóc lột; dân chủ vô sản là chế độ dân chủ vì lợi ích của đa số; là nền dân chủ bao quát tất cả các mặt của đời sống xã hội.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa có bản chất cơ bản sau:

Bản chất chính trị: Dưới sự lãnh đạo duy nhất của một đảng của giai cấp công nhân, nhất nguyên về chính trị mà trên mọi lĩnh vực xã hội đều thực hiện quyền lực của nhân dân, thể hiện qua các quyền lực dân chủ, làm chủ, quyền con người, thỏa mãn ngày càng cao hơn các nhu cầu và lợi ích của nhân dân. Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa mang bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi, tính dân tộc sâu sắc. Dân chủ xã hội chủ nghĩa thực hiện thông qua nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Bản chất kinh tế: Dựa trên chế độ sở hữu xã hội (công hữu) về tư liệu sản xuất chủ yếu và thực hiện chế độ phân phối lợi ích theo kết quả lao động là chủ yếu đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng cao của lực lượng sản xuất dựa trên cơ sở khoa học - công nghệ hiện đại nhằm thỏa mãn ngày càng cao những nhu cầu vật chất và tinh thần của toàn thể nhân dân lao động.

Bản chất tư tưởng - văn hóa - xã hội: Lấy hệ tư tưởng Mác - Lênin làm chủ đạo đối với mọi hình thái ý thức xã hội khác trong xã hội mới. Đồng thời nó kế thừa, phát huy những tinh hoa văn hóa truyền thống dân tộc, tiếp thu những giá trị tư tưởng - văn hóa, văn minh, tiến bộ xã hội... mà nhân loại đã tạo ra ở tất cả các quốc gia, dân tộc. Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa có sự kết hợp hài hòa về lợi ích giữa cá nhân, tập thể và lợi ích của toàn xã hội.

2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa

2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

2.1.1. Sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa

Nhà nước xã hội chủ nghĩa ra đời là kết quả của cuộc cách mạng do giai cấp vô sản và nhân dân lao động tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước mà ở đó, sự thống trị chính trị thuộc về giai cấp công nhân, do cách mạng xã hội chủ nghĩa sản sinh ra và có sứ mệnh xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, đưa nhân dân lao động lên địa vị làm chủ trên tất cả các mặt của đời sống xã hội trong một xã hội phát triển cao - xã hội xã hội chủ nghĩa.

2.1.2. Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là kiểu nhà nước mới, có bản chất khác với bản chất của các kiểu nhà nước bóc lột lịch sử. Tính ưu việt về mặt bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa được thể hiện trên các phương diện:

Về chính trị, nhà nước xã hội chủ nghĩa mang bản chất của giai cấp công nhân, giai cấp có lợi ích phù hợp với lợi ích chung của quần chúng nhân dân lao động.

Về kinh tế, việc chăm lo cho lợi ích của đại đa số nhân dân lao động trở thành mục tiêu hàng đầu của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Về văn hóa, xã hội: xây dựng trên nền tảng tinh thần là lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và những giá trị văn hóa tiên tiến, tiến bộ của nhân loại, đồng thời mang những bản sắc riêng của dân tộc. Sự phân hóa giữa các giai cấp, tầng lớp từng bước được thu hẹp, các giai cấp, tầng lớp bình đẳng trong việc tiếp cận các nguồn lực và cơ hội để phát triển.

2.1.3. Chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa

Căn cứ vào phạm vi tác động của quyền lực nhà nước: chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa được chia thành chức năng đối nội và chức năng đối ngoại.

Căn cứ vào lĩnh vực tác động của quyền lực nhà nước: chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa được chia thành chức năng chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội,...

Căn cứ vào tính chất của quyền lực nhà nước: chức năng của nhà nước được chia thành chức năng giai cấp (trấn áp) và chức năng xã hội (tổ chức và xây dựng).

Nội dung chủ yếu và mục đích cuối cùng của nhà nước xã hội chủ nghĩa là cải tạo xã hội cũ, xây dựng thành công xã hội mới. Đây là một sự nghiệp vĩ đại, nhưng đồng thời cũng là công việc cực kỳ khó khăn và phức tạp. Đòi hỏi nhà nước phải có một bộ máy cực mạnh và một tổ chức có đủ năng lực.

2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa

Một là: Dân chủ xã hội chủ nghĩa là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng và hoạt động của nhà nước xã hội chủ nghĩa

Hai là: Ra đời trên cơ sở nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa trở thành công cụ quan trọng cho việc thực thi quyền làm chủ của người dân.

3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

3.1.1. Sự ra đời, phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Chế độ dân chủ nhân dân ở Việt Nam được xác lập sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 song còn chưa sử dụng cụm từ “dân chủ xã hội chủ nghĩa” mà thường nêu quan điểm “xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa” gắn với “nắm vững chuyên chính vô sản”. Hơn 30 năm đổi mới, nhận thức về dân chủ xã hội chủ nghĩa, vị trí, vai trò của dân chủ ở Việt Nam có nhiều điểm mới, dân chủ ngày càng được nhận thức, phát triển và hoàn thiện đúng đắn, phù hợp hơn với điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Dân chủ được đưa vào mục tiêu tổng quát của cách mạng Việt Nam: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đồng thời khẳng định “Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước”.

3.1.2. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Bản chất nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thể hiện ở các nội dung sau:

Dân chủ là mục tiêu của chế độ xã hội chủ nghĩa (dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh).

Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa (do nhân dân làm chủ, quyền lực của nhân dân).

Dân chủ là động lực để xây dựng chủ nghĩa xã hội (phát huy sức mạnh của nhân dân, của dân tộc).

Dân chủ gắn với pháp luật (phải đi đôi với kỷ luật, kỷ cương).

Bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được thực hiện thông qua các hình thức dân chủ gián tiếp và dân chủ trực tiếp.

Hình thức dân chủ gián tiếp là hình thức dân chủ đại diện, được thực hiện do nhân dân “ủy quyền”, giao quyền lực của mình cho tổ chức mà nhân dân trực tiếp bầu ra.

Hình thức dân chủ trực tiếp là hình thức thông qua đó nhân dân bằng hành động trực tiếp của mình thực hiện quyền làm chủ nhà nước và xã hội.

Các quy chế dân chủ từ cơ sở đến Trung ương và trong các tổ chức chính trị - xã hội đều thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

3.2.1. Quan niệm và đặc điểm của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Nhà nước pháp quyền được hiểu là nhà nước mà ở đó, tất cả mọi công dân đều được giáo dục pháp luật và phải hiểu biết pháp luật, tuân thủ pháp luật, pháp luật phải đảm bảo tính nghiêm minh; trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phải có sự kiểm soát lẫn nhau, tất cả vì mục tiêu phục vụ nhân dân.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam có một số đặc điểm sau:

Thứ nhất, xây dựng nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, đó là Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Thứ hai, Nhà nước được tổ chức và hoạt động dựa trên cơ sở của Hiến pháp và pháp luật.

Thứ ba, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rõ ràng, có cơ chế phối hợp nhịp nhàng và kiểm soát giữa các cơ quan: lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Thứ tư, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam phải do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Hoạt động của Nhà nước được giám sát bởi nhân dân với phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” thông qua các tổ chức, các cá nhân được nhân dân ủy nhiệm.

Thứ năm, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam phải do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Thứ sáu, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau, nhưng bảo đảm quyền lực là thống nhất và sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

3.3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay

3.3.1. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay

Một là, xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tạo ra cơ sở kinh tế vững chắc cho xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Hai là, xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh với tư cách điều kiện tiên quyết để xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ba là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh với tư cách điều kiện để thực thi dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Bốn là, nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Năm là, xây dựng và từng bước hoàn thiện các hệ thống giám sát, phản biện xã hội để phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

3.3.2. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Một là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Hai là, cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước.

Ba là, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực.

Bốn là, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm.

VẤN ĐỀ 4

VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

A. NỘI DUNG

1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

1.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin về dân tộc

Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc

Dân tộc được hiểu theo hai nghĩa cơ bản:

Thứ nhất: Dân tộc (nation) hay quốc gia dân tộc là cộng đồng chính trị - xã hội có những đặc trưng cơ bản sau đây: có chung phương thức sinh hoạt kinh tế; có lãnh thổ chung ổn định không bị chia cắt; có sự quản lý của một nhà nước; có ngôn ngữ chung của quốc gia; có nét tâm lý biểu hiện qua nền văn hóa dân tộc và tạo nên bản sắc riêng của nền văn hóa dân tộc. Ví dụ như dân tộc Việt Nam, dân tộc Trung Quốc, dân tộc Thái Lan.....

Thứ hai: Dân tộc - tộc người (ethnies) là cộng đồng người được hình thành lâu dài trong lịch sử và có ba đặc trưng cơ bản sau: cộng đồng về ngôn ngữ; cộng đồng về văn hóa; ý thức tự giác tộc người. Ví dụ như dân tộc Tày, Thái, Ê Đê,....ở Việt Nam.

Hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc

Xu hướng thứ nhất, cộng đồng dân cư muốn tách ra để hình thành cộng đồng dân tộc độc lập. Ngày nay, biểu hiện ở các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, đấu tranh chống kỳ thị dân tộc, phân biệt dân tộc.

Xu hướng thứ hai, các dân tộc trong từng quốc gia, thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau. Ngày nay, biểu hiện ở các dân tộc quốc gia xích lại gần nhau, hòa hợp với nhau, liên minh giữa các quốc gia dân tộc trong phạm vi khu vực và quốc tế.

Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin

Một là: Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng

Đây là quyền thiêng liêng của các dân tộc, không phân biệt dân tộc lớn hay nhỏ, ở trình độ phát triển cao hay thấp. Các dân tộc đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, không dân tộc nào được giữ đặc quyền, đặc lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa.

Trong một quốc gia đa dân tộc: quyền bình đẳng giữa các dân tộc phải được hiến pháp, pháp luật bảo vệ; thể hiện trong cuộc sống khắc phục sự chênh lệch giữa các dân tộc trên tất cả các lĩnh vực.

Giữa các quốc gia dân tộc với nhau: gắn liền với quá trình đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa Sô – vanh nước lớn, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, dân tộc hẹp hòi...

Hai là: Các dân tộc được quyền tự quyết

Đó là quyền của các dân tộc tự quyết định lấy vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và chọn đường phát triển của dân tộc mình. Quyền tự quyết dân tộc bao gồm quyền tách ra thành lập một quốc gia dân tộc độc lập, đồng thời có quyền tự nguyện liên hiệp với dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng.

Quyền dân tộc tự quyết không đồng nhất với “quyền” phân lập thành một quốc gia độc lập của các tộc người thiểu số trong một quốc gia đa dân tộc.

Kiên quyết chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động, thù địch lợi dụng chiêu bài “dân tộc tự quyết” để can thiệp vào nội bộ của các nước hoặc kích động đòi ly khai dân tộc.

Ba là: Liên hiệp công khai tất cả các dân tộc

Quyền bình đẳng và quyền tự quyết là quyền thiêng liêng của các dân tộc, nhưng hiện thực hóa quyền bình đẳng và quyền tự quyết của dân tộc phải là kết quả của quá trình đấu tranh chống áp bức, bóc lột dân tộc. Trong quá trình đấu tranh, tất yếu cần sự liên hiệp, đoàn kết công nhân của các dân tộc ở chính quốc và thuộc địa.

Liên hiệp công nhân các dân tộc phản ánh sự thống nhất giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp; phản ánh sự gắn bó chặt chẽ giữa tinh thần của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính.

1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam

Đặc điểm dân tộc Việt Nam

Thứ nhất: Có sự chênh lệch về số dân giữa các tộc người.

Thứ hai: Các dân tộc cư trú xen kẽ nhau.

Thứ ba: Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam phân bố chủ yếu ở địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng.

Thứ tư: Các dân tộc ở Việt Nam có trình độ phát triển không đều.

Thứ năm: Các dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết gắn bó lâu đời trong cộng đồng dân tộc - quốc gia thống nhất.

Thứ sáu: Mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng, góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hóa Việt Nam thống nhất.

1.2.2. Quan điểm và chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam

Quan điểm của Đảng, Nhà nước Việt Nam về dân tộc và giải quyết quan hệ dân tộc:

- Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam.
- Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp.
- Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh - quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc. Quan tâm phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số, giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất.
- Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi
- Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành và toàn bộ hệ thống chính trị.

Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam

Về chính trị: thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc vì mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Về kinh tế: phát huy tiềm năng phát triển, từng bước khắc phục khoảng cách chênh lệch giữa các vùng, giữa các dân tộc.

Về văn hóa: xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, giữ gìn và phát huy giá trị truyền thống của các tộc người, phát triển ngôn ngữ, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân các nước.

Về xã hội: thực hiện chính sách xã hội, đảm bảo an sinh xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Về an ninh quốc phòng: tăng cường sức mạnh bảo vệ tổ quốc trên cơ sở đảm bảo ổn định chính trị, thực hiện tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

VẤN ĐỀ 5

TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo

Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo

Thứ nhất: Bản chất của tôn giáo

Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh **hư ảo** hiện thực khách quan. Tôn giáo là một hiện tượng xã hội - văn hóa do con người sáng tạo ra. Về thế giới quan, tôn giáo mang thế giới quan duy tâm có sự khác biệt với thế giới quan duy vật biện chứng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Thứ hai: Nguồn gốc tôn giáo

Tôn giáo ra đời là một sản phẩm của lịch sử, xuất phát từ các nguồn gốc (nguyên nhân) chủ yếu:

Nguyên nhân tự nhiên, kinh tế - xã hội: Con người bất lực trước tự nhiên nên gán cho tự nhiên những sức mạnh, quyền lực thần bí. Trong xã hội có giai cấp, con người bị bóc lột, bị áp bức, bất công nhưng không lý giải được và trông chờ vào sự giải phóng của một lực lượng siêu nhiên ngoài trần thế.

Nguyên nhân nhận thức: Nhận thức của con người trong một giai đoạn nhất định là có hạn, khoảng cách giữa “biết” và “chưa biết” vẫn tồn tại, những điều mà khoa học chưa giải thích được thì điều đó thường được giải thích thông qua lăng kính tôn giáo.

Nguyên nhân tâm lý: Sự sợ hãi trước hiện tượng tự nhiên, xã hội, những điều may, rủi bất ngờ hay tâm lý muốn được bình yên khi làm việc lớn (ma chay, cưới

hội, khởi đầu sự nghiệp.....) con người cũng dễ tìm đến tôn giáo. Sự biết ơn với những người có công với nước, với dân cũng dễ dẫn con người đến với tôn giáo.

Thứ ba: Tính chất tôn giáo

Tôn giáo có tính lịch sử: là một hiện tượng lịch sử, có sự hình thành tồn tại và phát triển cũng như có khả năng biến đổi trong những giai đoạn lịch sử nhất định để thích nghi với nhiều chế độ chính trị - xã hội.

Tôn giáo có tính quần chúng nhân dân: thể hiện ở số lượng tín đồ đông đảo (3/4 dân số thế giới), đồng thời tôn giáo là nơi sinh hoạt văn hóa, tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân. Tôn giáo luôn luôn phản ánh khát vọng của những người lao động về một xã hội tự do, bình đẳng, bác ái.

Tôn giáo có tính chính trị: xuất hiện khi xã hội có giai cấp, tôn giáo lúc này phản ánh lợi ích, nguyện vọng của các giai cấp khác nhau trong cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc. Các giai cấp bóc lột, thống trị sử dụng tôn giáo để phục vụ cho lợi ích giai cấp mình chống lại các giai cấp lao động và tiến bộ xã hội, tôn giáo mang tính chính trị tiêu cực, phản tiến bộ.

1.2. Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân.
- Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.
- Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng; tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo.
- Có quan điểm lịch sử cụ thể trong giải quyết vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo.

1.3. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay

Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam

- Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo: có 13 tôn giáo được tư cách pháp nhân với khoảng 24 triệu tín đồ tôn giáo.

- Tôn giáo ở Việt Nam đa dạng, đan xen, chung sống hòa bình và không có xung đột, chiến tranh tôn giáo.
- Các tín đồ các tôn giáo Việt Nam phần lớn là nhân dân lao động, có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc.
- Hàng ngũ chức sắc tôn giáo có vai trò, vị trí quan trọng trong giáo hội, có uy tín, ảnh hưởng với tín đồ.
- Các tôn giáo ở Việt Nam đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài.
- Tôn giáo ở Việt Nam thường bị các thế lực phản động lợi dụng.

Chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay

Chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.
- Đảng và Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và không theo tôn giáo.
- Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng/
- Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị
- Công dân có quyền theo hoặc không theo tôn giáo, các tín đồ có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm các tổ chức truyền đạo, người truyền đạo và các cách thức truyền đạo trái phép, vi phạm các quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Một số vấn đề về quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

- Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo; quan hệ dân tộc và tôn giáo được thiết lập và củng cố trên cơ sở cộng đồng quốc gia - dân tộc thống nhất.
- Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi tín ngưỡng truyền thống.
- Các hiện tượng tôn giáo mới có xu hướng phát triển mạnh làm ảnh hưởng đến đời sống cộng đồng và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.
- Các thế lực thù địch thường xuyên lợi dụng vấn đề dân tộc và vấn đề tôn giáo nhằm thực hiện “diễn biến hòa bình”, nhất là tập trung ở 4 khu vực trọng điểm: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây duyên hải miền Trung.

Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

- Tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa các dân tộc và tôn giáo, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết tôn giáo là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài và cấp bách của cách mạng Việt Nam.
- Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải đặt trong mối quan hệ với cộng đồng quốc gia - dân tộc thống nhất theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, quyền của các dân tộc thiểu số, đồng thời kiên quyết đấu tranh chống lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo vào mục đích chính trị.

VẤN ĐỀ 6

VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình

1.1. Khái niệm gia đình

Gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ

nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong cộng đồng ấy.

1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội

Gia đình là tế bào của xã hội “...nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội chính là gia đình”.

Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên.

Gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội. Gia đình là cộng đồng xã hội đầu tiên mà mỗi cá nhân sinh sống, có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành và phát triển nhân cách của từng người. Gia đình là môi trường đầu tiên mà mỗi cá nhân học được và thực hiện quan hệ xã hội.

1.3. Chức năng của gia đình

Chức năng tái sản xuất ra con người: đây là chức năng đặc thù của gia đình, không một cộng đồng nào có thể thay thế. Chức năng này không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm, sinh lý tự nhiên của con người, đáp ứng nhu cầu duy trì nòi giống của gia đình, dòng họ mà còn đáp ứng nhu cầu về sức lao động và duy trì sự trường tồn của xã hội.

Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục: gia đình có trách nhiệm nuôi dưỡng, dạy dỗ con cái trở thành người có ích cho gia đình, cộng đồng và xã hội. Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục có ảnh hưởng lâu dài và toàn diện đến cuộc đời của mỗi thành viên, từ lúc lọt lòng cho đến khi trưởng thành và tuổi già.

Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng: Gia đình không chỉ tham gia trực tiếp vào sản xuất và tái sản xuất ra của cải vật chất và sức lao động mà còn là đơn vị tiêu dùng trong xã hội.

Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình: Đây là chức năng thường xuyên của gia đình, bao gồm việc thỏa mãn nhu cầu tình cảm, văn hóa, tinh thần cho các thành viên, đảm bảo sự cân bằng tâm lý, bảo vệ chăm sóc sức khỏe người ốm, người già, trẻ em.

Ngoài những chức năng trên, gia đình còn có chức năng văn hóa, chức năng chính trị....

2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội

Cơ sở kinh tế - xã hội để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là sự phát triển của lực lượng sản xuất và tương ứng trình độ của lực lượng sản xuất là quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa. Cốt lõi là từng bước hình thành và củng cố chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất chủ yếu thay thế cho chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất chủ yếu.

Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất là xóa bỏ nguồn gốc gây nên tình trạng thống trị của người đàn ông trong gia đình, sự bất bình đẳng giữa nam và nữ, giữa vợ và chồng, sự nô dịch đối với phụ nữ.

2.2. Cơ sở chính trị - xã hội

Cơ sở chính trị để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là việc thiết lập chính quyền nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nhà nước xã hội chủ nghĩa thông qua hệ thống pháp luật, trong đó có Luật Hôn nhân và Gia đình cùng với hệ thống chính sách xã hội đảm bảo lợi ích của công dân, các thành viên trong gia đình, đảm bảo sự bình đẳng giới, chính sách dân số, việc làm, y tế, bảo hiểm xã hội,...

2.3. Cơ sở văn hóa

Cơ sở văn hóa của gia đình là việc những giá trị văn hóa được xây dựng trên nền tảng hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân từng bước hình thành và dần dần giữ vai trò chi phối nền tảng văn hóa, tinh thần của xã hội.

2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ

Chế độ hôn nhân trong chủ nghĩa xã hội là hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng và được đảm bảo về pháp lý.

Hôn nhân tiến bộ là hôn nhân xuất phát từ tình yêu giữa nam và nữ. Hôn nhân tự nguyện là đảm bảo cho nam nữ có quyền tự do trong việc lựa chọn người kết hôn, không chấp nhận sự áp đặt của cha mẹ, tất nhiên không bác bỏ việc cha mẹ, quan tâm, hướng dẫn giúp đỡ con cái nhận thức đúng, có trách nhiệm trong

việc kết hôn. Hôn nhân tiến bộ, tự nguyện bao hàm cả quyền tự do ly hôn khi tình yêu giữa nam và nữ không còn nữa.

Bản chất của tình yêu là không chia sẻ được nên hôn nhân một vợ một chồng là kết quả tất yếu của hôn nhân xuất phát từ tình yêu. Thực hiện chế độ hôn nhân một vợ một chồng là thực hiện sự giải phóng đối với phụ nữ, thực hiện sự bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau giữa vợ và chồng.

Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân, là thể hiện sự tôn trọng trong tình yêu, trách nhiệm giữa nam và nữ, trách nhiệm của cá nhân với gia đình và xã hội và ngược lại.

3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

3.2. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Biến đổi quy mô, cấu trúc gia đình

Gia đình đơn hay còn gọi là gia đình hạt nhân đang trở nên phổ biến ở các đô thị và cả ở nông thôn - thay thế cho kiểu gia đình truyền thống. Quy mô gia đình có xu hướng nhỏ hơn, số thành viên trong gia đình trở nên ít đi. Gia đình gồm ba, bốn thế hệ cùng chung sống giảm dần, gia đình hiện nay thường chỉ có hai thế hệ sống chung, số con trong gia đình cũng không nhiều hơn trước.

Sự biến đổi về quy mô của gia đình tạo điều kiện để sự bình đẳng nam nữ được đề cao hơn, cuộc sống riêng tư của mỗi người được tôn trọng hơn, tránh được những mâu thuẫn trong đời sống của gia đình truyền thống. Mặt khác, nó cũng tạo ra sự ngăn cách không gian giữa các thành viên trong gia đình, tạo khó khăn, trở lực trong gìn giữ tình cảm cũng như các giá trị văn hóa truyền thống của gia đình.

Biến đổi các chức năng của gia đình

Chức năng tái sản xuất ra con người: việc sinh đẻ được các gia đình tiến hành một cách chủ động, tự giác khi xác định số lượng con cái và thời điểm sinh con. Trước đây, nhu cầu về con cái thể hiện ở chỗ phải có con, càng đông con càng tốt và tốt nhất phải có con trai để nối dõi thì ngày nay có những thay đổi căn bản là

giảm mức sinh của phụ nữ, giảm số con mong muốn và giảm nhu cầu nhất thiết phải có con trai của các cặp vợ chồng.

Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng: chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng có hai bước chuyển mang tính bước ngoặt. Thứ nhất, nền kinh tế tự cấp tự túc thành kinh tế hàng hóa, tức là từ một đơn vị kinh tế khép kín sản xuất để đáp ứng nhu cầu của gia đình thành đơn vị sản xuất chủ yếu để đáp ứng nhu cầu của người khác hay của xã hội. Thứ hai, từ đơn vị kinh tế mà đặc trưng là sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu của thị trường quốc gia thành tổ chức kinh tế của nền kinh tế thị trường hiện đại đáp ứng nhu cầu của thị trường toàn cầu.

Chức năng giáo dục: Chức năng giáo dục gia đình hiện nay phát triển theo xu hướng sự đầu tư tài chính của gia đình cho giáo dục con cái tăng lên. Nội dung giáo dục gia đình hiện nay không chỉ nặng về giáo dục đạo đức, ứng xử trong gia đình, dòng họ, làng xã, mà hướng đến giáo dục kiến thức khoa học hiện đại, trang bị công cụ để con cái hòa nhập với thế giới. Tuy nhiên, vai trò giáo dục của các chủ thể trong gia đình có xu hướng giảm.

Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm: nhu cầu thỏa mãn tâm lý - tình cảm đang tăng lên, do gia đình có xu hướng chuyển đổi từ chủ yếu là đơn vị kinh tế sang chủ yếu là đơn vị tình cảm.

Sự biến đổi quan hệ gia đình

Biến đổi quan hệ hôn nhân và quan hệ vợ chồng: Trong gia đình Việt Nam hiện nay, không còn một mô hình duy nhất là đàn ông làm chủ gia đình mà ngoài ra có ít nhất hai mô hình khác cùng tồn tại. Đó là mô hình người phụ nữ - người vợ làm chủ gia đình và mô hình cả hai vợ chồng cùng làm chủ gia đình. Người làm chủ gia đình là người có những phẩm chất, năng lực và đóng góp vượt trội được các thành viên trong gia đình coi trọng.

Biến đổi quan hệ giữa các thế hệ, các giá trị, chuẩn mực văn hóa gia đình: Trong gia đình hiện đại, việc giáo dục trẻ em gần như phó mặc cho nhà trường mà thiếu đi sự dạy bảo thường xuyên của ông bà, cha mẹ. Đồng thời khi quy mô gia đình biến đổi, người cao tuổi phải đối mặt với sự cô đơn thiếu thốn về tình cảm.

Gia đình hiện nay đối mặt với nhiều hiện tượng mà trước đây chưa hề hoặc ít có như: bạo lực gia đình, ly hôn, ly thân, ngoại tình, sống thử,...làm rạn nứt, phá hoại sự bền vững của gia đình, làm cho gia đình trở nên mong manh, dễ tan vỡ hơn.

3.3. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức của xã hội về xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam.

Thứ hai, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, kinh tế hộ gia đình.

Thứ ba, kế thừa những giá trị của gia đình truyền thống đồng thời tiếp thu những tiến bộ của nhân loại về gia đình Việt Nam hiện nay.

Thứ tư, tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa.

B. CÂU HỎI

1. Phân tích vị trí, chức năng của gia đình?
2. Trình bày những cơ sở của gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?
3. Những biến đổi cơ bản của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?
4. Trình bày những phương hướng xây dựng và phát triển gia đình ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?